

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 08/2024/HNGĐ - ST
Ngày 05 - 01 - 2024
V/v Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH CÀ MAU

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Hồ Chí Thêm**

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông **Nguyễn Văn Sol**

Ông **Trần Quốc Trí**

- **Thư ký phiên tòa:** Bà **Nguyễn Thị Ngọc San** - Thư ký Tòa án

Trong ngày 05 tháng 01 năm 2024 tại Tòa án nhân dân huyện C xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 602/2023/TLST- HNGĐ ngày 01 tháng 11 năm 2023 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 282/2023/QĐXXST- HNGĐ ngày 28 tháng 11 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Trần Diễm Th** – sinh năm 1983 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp T, xã T1, huyện C, tỉnh Cà Mau.

2. Bị đơn: Anh **Nguyễn Quốc Kh** – sinh năm 1976 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp T, xã T1, huyện C, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 18 tháng 10 năm 2023 và lời khai tại Tòa án nguyên đơn chị Trần Diễm Th trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Kh kết hôn vào ngày 04/01/2004, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện C, tỉnh Cà Mau theo Giấy chứng nhận kết hôn số 13, ngày 04/01/2004. Thời gian đầu anh chị chung sống hạnh phúc nhưng đến cuối năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cự cãi nhau, anh Kh đi làm về không đưa tiền sinh hoạt trong gia đình, không quan tâm vợ con, anh Kh có người phụ nữ khác bên ngoài, gia đình hai bên hàn gắn nhiều lần nhưng không có kết quả, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, anh chị sống ly thân từ năm 2020 đến nay. Nay xét thấy mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Kh.

Về con chung: Anh chị có hai con chung là Nguyễn Bảo D, sinh ngày 29 tháng 9 năm 2004 và Nguyễn Thiên V, sinh ngày 14 tháng 02 năm 2012, hiện nay do chị và anh Kh đang trực tiếp nuôi dưỡng. Khi ly hôn, cháu D đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với cháu V chị yêu cầu giao cho anh Kh nuôi dưỡng, chị không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị Trần Diễm Th trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung, nợ riêng: Chị Trần Diễm Th trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Quốc Kh trình bày tại Biên bản làm việc ngày 13/12/2023 của Tòa án:

Về hôn nhân: Anh và chị Th kết hôn vào ngày 04/01/2004, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện C, tỉnh Cà Mau. Anh chị chung sống hạnh phúc nhưng đến năm 2019 thì chị Th đi làm tại tỉnh Bình Dương, chị Th thiếu nợ nhiều người anh không biết chị Th hỏi tiền những người này để làm gì. Từ năm 2020 đến nay thì anh chị đã sống ly thân, do chị Th và anh bất đồng về kinh tế nên có lời qua tiếng lại, anh kêu chị Th ra khỏi nhà thì chị Th đi cho đến nay. Sau khi chị Th ra đi thì anh có thông báo cho gia đình chị Th để hàn gắn nhưng không có kết quả. Hiện tại, chị Th đi làm lâu lâu cũng về gia đình. Nay chị Th yêu cầu ly hôn thì anh không đồng ý, do anh còn thương chị Th.

Về con chung: Anh thống nhất với lời trình bày của chị Th là anh chị có hai con chung là Nguyễn Bảo D, sinh ngày 29 tháng 9 năm 2004 và Nguyễn Thiên V, sinh ngày 14 tháng 02 năm 2012, hiện nay do anh và chị Th đang trực tiếp nuôi dưỡng. Khi ly hôn, cháu D đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với cháu V, anh đồng ý tiếp tục nuôi dưỡng, anh không yêu cầu chị Th cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Anh Nguyễn Quốc Kh trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung, nợ riêng: Anh Nguyễn Quốc Kh trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, chị Th yêu cầu xin ly hôn với anh Kh. Về con chung: Cháu D đã trưởng thành nên chị Th không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị Th yêu cầu giao cháu V cho anh Kh tiếp tục nuôi dưỡng, chị không cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung, nợ riêng: Chị Th trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Tòa án nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Chị Trần Diễm Th nộp đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Quốc Kh. Khi khởi kiện anh Kh cư trú tại ấp T, xã T1, huyện C, tỉnh Cà Mau. Do vậy, Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Cà Mau thụ lý, giải quyết là

đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Anh Nguyễn Quốc Kh đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Kh theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung:

[3.1] Về hôn nhân: Chị Th và anh Kh tự nguyện kết hôn với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện C, tỉnh Cà Mau theo Giấy chứng nhận kết hôn số 13, ngày 04/01/2004 nên đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ.

Chị Th xác định, chị và anh Kh thường xuyên phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cự cãi nhau, anh Kh đi làm về không đưa tiền sinh hoạt trong gia đình, không quan tâm vợ con, anh Kh có người phụ nữ khác bên ngoài, gia đình hai bên hàn gắn nhiều lần nhưng không có kết quả, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, sống ly thân từ năm 2020 đến nay nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Kh. Anh Kh trình bày từ năm 2020 đến nay thì anh chị đã sống ly thân, do chị Th và anh bất đồng về kinh tế nên có lời qua tiếng lại, anh kêu chị ra khỏi nhà thì chị đi cho đến nay. Sau khi chị Th ra đi thì anh có thông báo cho gia đình chị Th để hàn gắn nhưng không có kết quả nhưng nay anh không đồng ý ly hôn với chị Th vì anh còn thương chị Th. Xét thấy, chị Th và anh Kh đều xác định có phát sinh mâu thuẫn, anh chị có cãi nhau và anh chị có bất đồng về kinh tế, gia đình hai bên hàn gắn nhiều lần nhưng không có kết quả, anh chị đã ly thân từ năm 2020 cho đến nay. Hơn nữa, hôn nhân bền vững thì phải dựa trên cơ sở tự nguyện, vợ chồng yêu thương, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau cùng nhau xây dựng gia đình hạnh phúc. Hôn nhân giữa chị Th và anh Kh mâu thuẫn trầm trọng, đã không còn hạnh phúc, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, anh chị sống ly thân đã lâu. Do đó, chị Th yêu cầu được ly hôn với anh Kh là có căn cứ, phù hợp với quy định khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.2] Về con chung: Chị Th và anh Kh có hai con chung là Nguyễn Bảo D, sinh ngày 29 tháng 9 năm 2004 và Nguyễn Thiên V, sinh ngày 14 tháng 02 năm 2012. Hiện nay, cháu V đang sống với chị Th và anh Kh.

Khi ly hôn, đối với cháu D đã trưởng thành nên chị Th và anh Kh không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Đối với cháu V, chị Th yêu cầu giao cho anh Kh tiếp tục nuôi dưỡng. Hội đồng xét xử xét thấy, anh Kh đồng ý nuôi dưỡng cháu V, cháu V hiện nay đang sống cùng anh Kh. Đồng thời, tại biên bản làm việc của Tòa án thì cháu V có nguyện vọng sống với anh Kh. Do đó, Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của chị Th và anh Kh về việc giao cháu V cho anh Kh tiếp tục trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Chị Th không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở theo quy định tại khoản 3 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con: Anh Kh không yêu cầu chị Th cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3.3] Về tài sản chung: Chị Trần Diễm Th và anh Nguyễn Quốc Kh thống nhất không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3.4] Về nợ chung, nợ riêng: Chị Trần Diễm Th và anh Nguyễn Quốc Kh thống nhất không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Trần Diễm Th phải nộp 300.000 đồng theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[5] Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, các điều 53, 56, 57, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Trần Diễm Th đối với anh Nguyễn Quốc Kh. Xử cho chị Trần Diễm Th được ly hôn với anh Nguyễn Quốc Kh.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thiên V, sinh ngày 14 tháng 02 năm 2012 cho anh Nguyễn Quốc Kh tiếp tục trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Chị Trần Diễm Th không cấp dưỡng nuôi con.

Chị Trần Diễm Th không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Chị Trần Diễm Th và anh Nguyễn Quốc Kh thống nhất không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4. Về nợ chung, nợ riêng: Chị Trần Diễm Th và anh Nguyễn Quốc Kh thống nhất không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

5. Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Trần Diễm Th phải chịu số tiền là 300.000 (ba trăm nghìn đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009681 ngày 01 tháng 11 năm 2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Cà Mau. Chị Trần Diễm Th đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Trường hợp Bản án (Quyết định) được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- Phòng KTNV&THA TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Các đương sự;
- UBND xã L, huyện C, tỉnh Cà Mau;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hồ Chí Thêm